CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA
BAN DỰ ÁN CO2 NINH BÌNH

Số: /TH-CO2
V/v đề nghị chào giá thiết bị "Field Instruments" thi công Dự án Nhà máy sản xuất CO2 công nghệ cao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) hiện đang có nhu cầu mua thiết bị "Field Instruments" phục vụ thi công Dự án Nhà máy sản xuất CO2 công nghệ cao. Công ty PTSC Thanh Hóa kính mời Quý Công ty tham gia chào giá cung cấp vật tư cụ thể như sau:

1. Phạm vi công việc/ phạm vi cung cấp: theo danh sách đính kèm

2. Yêu cầu kỹ thuật: bao gồm đặc tính kỹ thuật, chủng loại, số lượng hàng hóa, dịch vụ, yêu cầu khác…;

3. Tài liệu/chứng chỉ: CO, CQ theo danh sách vật tư đính kèm

4. Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của NCC: ĐKKD, Profile/Catalog Công ty (nếu có)

5. Điều kiện và điều khoản hợp đồng/đơn hàng: Đàm phán trong giai đoạn ký kết hợp đồng

6. Đồng tiền chào giá: Việt nam đồng/Đô la Mỹ;

7. Điều kiện chào giá: Giá trị hàng hóa/dịch vụ bao gồm các loại thuế, chứng chỉ, chi phí kiểm tra, đóng gói, ghi dấu, nhãn mác, vận chuyển và bàn giao đến địa điểm nhận hàng của Công ty PTSC Thanh Hóa - Lô đất B2.3, Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

8. Điều kiện và thời gian giao hàng: Đề nghị nhà cung cấp chào thời gian giao hàng sớm nhất mà quý công ty có thể cung cấp, tuy nhiên không trễ hơn 100 ngày kể từ khi có đơn hàng

9. Điều kiện thanh toán: bằng chuyển khoản

10. Thời gian nộp chào giá: Trước 17h ngày 20/10/2026

11. Thời gian hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 30 ngày

12. Chào giá của Quý Công ty phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền và gửi về Công ty PTSC Thanh Hóa bằng phong bì kín theo thời gian nêu tại mục 10 nói trên.

Thông tin nhận thư bằng phong bì kín:

HỒ SƠ CHÀO GIÁ: CO2-PTH-INS-TRD-025 Field Instruments

Người nhận: Lê Thị Hảo-0325271100

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa

13. Điều kiện xem xét trúng thầu:

- Báo giá được tiếp nhận trước 17h giờ, ngày 20 tháng 10 năm 2026
- Đáp ứng các yêu cầu nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT,BPMS

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ VĂN VƯƠNG

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm chào hàng số /TH-CO2 ngày 05 tháng 10 năm 2026)

No.	Tag No.	Description	Unit	QTY
1	FE-101	涡街流量计Vortex flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
2	FE-102	涡街流量计Vortex flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
3	FE-103	涡街流量计Vortex flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
4	FE-301a/b/c/d	涡街流量计Vortex flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	4
4.1	FE-001	涡街流量计Vortex flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
4.2	FE-401	涡街流量计Electromagnetic Flowmeter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
5	PT-101, PT-102, PT-103, PT-104, PT-1, PT-2, PT-3, PT-201, PT-202, PT-203, PT-301a/b/c, PT-302a/b/c, PT-303a/b/c, PT-304a/b/c, PT-305a/b/c, PT-401, PT-402, PT-403	表压型 Gauge pressure transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	28
6	LT-1	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
7	LT-2	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
8	LT-3	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
9	LT-4	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
10	LT-5	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	1
11	LT-301a/b/c	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	3
12	LT-302a/b/c	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	3

No.	Tag No.	Description	Unit	QTY
13	LT-303a/b/c	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	3
14	LT-304a/b/c	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	3
15	LT-305a/b/c	差压式液位计Differential pressure level transmitter, 4-20 mA + HART, complete with transmitter and accessories.	Set	3
16	LT-101	带变送器的磁翻板液位计Magnetic level gauge with transmitter, 4-20 mA + HART, complete with accessories.	Set	1
17	LT-201	带变送器的磁翻板液位计Magnetic level gauge with transmitter, 4-20 mA + HART, complete with accessories.	Set	1
18	LT-401	雷达液位计Radar Level Transmitter, 4-20 mA + HART, complete with accessories.	Set	1
19	LG-251	磁翻板液位计Magnetic flap level gauge, complete with accessories.	Set	1
21	LG-451	磁翻板液位计Magnetic flap level gauge, complete with accessories.	Set	1
21.1	LG-051	磁翻板液位计Magnetic flap level gauge, complete with accessories.	Set	1
22	LG-552	磁翻板液位计Magnetic flap level gauge, complete with accessories.	Set	1
23	TE-101, TE-102, TE-104, TE-105, TE-106, TE-107, TE-401, TE-201, TE-202	热电阻Thermal resistance, complete with accessories.	Set	9
24	TE-103,	热电阻Thermal resistance, complete with accessories.	Set	1
25	TG-451, TG-452, TG-453, TG-454, TG-455, TG-456, TG-457, TG-458, TG-459, TG-460	双金属温度计Bimetallic thermometer, complete with accessories.	Set	10
26	PG-151,, PG-451, PG-453, PG-154	压力表 Pressure gauge, complete with accessories.	Set	4
27	PG-152, PG-153a/b, PG-356a/b/c/d, PG-452a/b	压力表 Pressure gauge, complete with accessories.	Set	9